

Số: 01/2022/QĐHG-DS

Hoàng Hóa, ngày 06 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 21 tháng 12 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc “Ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn” giữa:

Người khởi kiện: Ông Hoàng Khắc T (Hoàng Văn T), sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn P, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1961

Địa chỉ: SN 25, đường HH18B, thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án theo hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số: 43/2021/CNKQHGT ngày 21 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến khác về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

Người khởi kiện: Ông Hoàng Khắc T (Hoàng Văn T), sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn P, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1961

Địa chỉ: SN 25, đường HH18B, thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án cụ thể như sau:

*** Về hôn nhân:**

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Khắc T và bà Đỗ Thị M.

*** Về tài sản:**

Công nhận ông Hoàng Khắc T và bà Đỗ Thị M có tài sản chung vợ chồng gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, cụ thể: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 312, tờ bản đồ số 05, Bản đồ 299/TTg xã Th; tương ứng thửa đất số 65, tờ bản đồ số 11 (E_48_08_210_d), Bản đồ địa chính xã Th lập năm 1995; tương ứng thửa đất số 465, tờ bản đồ số 44, Bản đồ địa chính xã Th đo vẽ năm 2015, tại thôn P, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Tài sản trên đất là một ngôi nhà cấp 4, 03 gian, mái lợp ngói, diện tích xây dựng là $52,4m^2$, nhà xây dựng năm 1997. Tài sản đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 538316 ngày 18/12/2006 cho ông Hoàng Văn T (Hoàng Khắc T) và bà Đỗ Thị M.

Có tứ cận:

- Phía Đông giáp hộ ông Nguyễn Văn H, dài 16,75m;
- Phía Tây giáp hộ ông Đỗ Văn D và hộ bà Đỗ Thị L, dài 18,43m + 0,69m;
- Phía Nam giáp đường thôn P, dài 25,36m + 8,83m;
- Phía Bắc giáp hộ bà Đỗ Thị L, hộ bà Nguyễn Thị K, hộ ông Nguyễn Hữu Tr, dài 0,74m + 11,92m + 16,79m + 3,07m.

Diện tích thực tế của thửa đất = $608m^2$, gồm $565m^2$ đất ở nông thôn (ONT) và $43,5m^2$ đất trồng cây lâu năm (CLN).

Ông Hoàng Khắc T và bà Đỗ Thị M thỏa thuận phân chia như sau:

- Chia cho ông Hoàng Khắc T được toàn quyền sở hữu ngôi nhà ngói cấp 4, 03 gian, xây dựng năm 1997, diện tích xây dựng là $52,4m^2$ và quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là $304,25m^2$ (gồm $282,5m^2$ đất ONT và $21,75m^2$ đất CLN), có tứ cận: Phía Đông giáp phần đất chia cho bà Đỗ Thị M, dài 18,26m; Phía Tây giáp hộ ông Đỗ Văn D và hộ bà Đỗ Thị L, dài 18,43m + 0,69m; Phía Nam giáp đường thôn P, dài 16,69m; Phía Bắc giáp hộ bà Đỗ Thị L, hộ bà Nguyễn Thị K, dài 0,74m + 11,92m + 3,12m.

- Chia cho bà Đỗ Thị M quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là $304,25m^2$ (gồm $282,5m^2$ đất ONT và $21,75m^2$ đất CLN), có tứ cận: Phía Đông giáp hộ ông Nguyễn Văn H, dài 16,75m; Phía Tây giáp phần đất chia cho ông Hoàng Khắc T, dài 18,26m; Phía Nam giáp đường thôn P, dài 8,67m + 8,83m; Phía Bắc giáp hộ bà Nguyễn Thị K và hộ ông Nguyễn Hữu Tr, dài 13,67 m + 3,07m.

(Có sơ đồ phân chia tài sản kèm theo là một phần không thể thiếu của Quyết định này).

- Ông Tại, bà M thống nhất: Hai bên không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

Ông T, bà M có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc hội, đương sự không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các bên đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

6. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Các bên DS;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân